

Số: **3928** /BXD-QLNHà Nội, ngày **23** tháng 9 năm 2021

V/v cung cấp số liệu và xây dựng
Chương trình, Kế hoạch phát triển
nhà ở cho giai đoạn 2021-2030

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Để thực hiện các quy định của Luật Nhà ở 2014, Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Nhà ở về việc xây dựng Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương, cũng như tổng hợp tình hình phát triển nhà ở theo Chương trình, Kế hoạch để báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện một số nội dung sau đây:

1. Báo cáo về việc xây dựng Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương giai đoạn 2021-2030 theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trường hợp chưa thực hiện thì khẩn trương tổ chức nghiên cứu, xây dựng và trình Hội đồng nhân dân thông qua Chương trình phát triển nhà ở của địa phương giai đoạn 2021-2030, trên cơ sở để xây dựng và phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm và 5 năm (giai đoạn 2021-2025) theo đúng nội dung, yêu cầu và trình tự quy định của Luật Nhà ở 2014, Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 và Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

2. Báo cáo về kết quả phát triển nhà ở trong năm 2021 theo chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được phê duyệt (theo Biểu số 1 và Biểu số 2 kèm theo).

3. Báo cáo về dự kiến kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 (theo Biểu số 3 kèm theo).

Bộ Xây dựng đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm chỉ đạo thực hiện và gửi báo cáo về Bộ Xây dựng **trước ngày 31/10/2021** để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(Mọi thông tin xin liên hệ: Ông Hoàng Mạnh Linh, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản – Bộ Xây dựng, điện thoại: 0362206797, email: <http://www.quanlynha.gov.vn>).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT. Nguyễn Thanh Nghị (để b/c);
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để t/hiện);
- 1 tư: VT, QLN (2b).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Sinh

Biểu 1: Kết quả phát triển nhà ở trong năm 2021
theo Chương trình phát triển nhà ở được phê duyệt
(kèm theo văn bản số 3928. BXD-QLN ngày 22/9/2021)

Stt	Loại hình	Số lượng dự án (dự án)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số lượng loại nhà ở	
				Nhà riêng lẻ (căn)	căn hộ chung cư (căn)
1	Nhà ở thương mại				
2	Nhà ở xã hội				
3	Nhà ở tái định cư				
4	Nhà ở công vụ				
Tổng cộng					

Ghi chú:

Nếu số lượng bằng không thì ghi "0"; nếu không có số liệu thì ghi "*Không có số liệu*"

Mục 2. Nhà ở xã hội: chỉ báo cáo dự án nhà ở xã hội độc lập, không bao gồm quỹ đất 20% trong dự án nhà ở thương mại

Biểu 2: Kết quả phát triển nhà ở xã hội trong năm 2021 theo Chương trình phát triển nhà ở được phê duyệt
(kèm theo văn bản số **3928** BND-QLN ngày **23** 9 2021)

Stt	Giai đoạn	Dự án được phê duyệt trong năm 2021					Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2021				
		Số lượng dự án (dự án)	Quy mô (ha)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số lượng loại nhà ở		Số lượng dự án (dự án)	Quy mô (ha)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số lượng loại nhà ở	
					Nhà riêng lẻ (căn)	căn hộ chung cư (căn)				Nhà riêng lẻ (căn)	căn hộ chung cư (căn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
I	Dự án nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại đô thị										
1.1	9 tháng đầu năm 2021										
1.2	Dự kiến 3 tháng cuối năm 2021										
II	Dự án nhà ở xã hội cho công nhân khu công nghiệp										
2.1	9 tháng đầu năm 2021										
2.2	Dự kiến 3 tháng cuối năm 2021										
III	Quy đất 20% để xây dựng nhà ở xã hội trong các dự án nhà ở thương mại										
3.1	9 tháng đầu năm 2021										
3.2	Dự kiến 3 tháng cuối năm 2021										
Tổng số											

IV. Thông tin bổ sung đối với trường hợp dự án nhà ở xã hội phân kỳ đầu tư đã hoàn thành một phần dự án trong năm 2021:

Có dự án nhà ở xã hội phân kỳ đầu tư đã hoàn thành một phần dự án trong năm 2021; trong đó phần diện tích sàn xây dựng đã hoàn thành đưa vào sử dụng là ... m²/ tổng số ... m², tương đương với nhà ở riêng lẻ và/ hoặc căn hộ chung cư/ tổng số nhà ở riêng lẻ và/ hoặc căn hộ chung cư.

Ghi chú:

Nếu số lượng bằng không thì ghi "0"; nếu không có số liệu thì ghi "Không có số liệu"

Số liệu báo cáo theo giai đoạn 9 tháng, 3 tháng, không báo cáo số lũy kế

Các cột (6), (7), (8), (9), (10) chỉ báo cáo số liệu cho các dự án đã hoàn thành toàn bộ và đưa vào sử dụng trong năm 2021, không bao gồm các Dự án đã hoàn thành một phần và các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021 (đã được báo cáo ở phần IV về thông tin bổ sung ở trên)

Mục III chỉ nhập số liệu cho các cột (5), (6), (7), (8), (9)

Biểu 3: Dự kiến kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022
 (kèm theo văn bản số 3922 BXD-QLN ngày 23/9/2021)

Stt	Loại hình	Dự án dự kiến được phê duyệt trong năm 2022				Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2022			
		Số lượng dự án (dự án)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số lượng loại nhà ở		Số lượng dự án (dự án)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số lượng loại nhà ở	
				Nhà riêng lẻ (căn)	căn hộ chung cư (căn)			Nhà riêng lẻ (căn)	căn hộ chung cư (căn)
1	Nhà ở thương mại								
2	Nhà ở xã hội								
3	Nhà ở tái định cư								
4	Nhà ở công vụ								
Tổng cộng									

Ghi chú:

Nếu số lượng bằng không thì ghi "0"; nếu không có số liệu thì ghi "*Không có số liệu*"

Mục 2. Nhà ở xã hội: chỉ báo cáo dự án nhà ở xã hội độc lập, không bao gồm quỹ đất 20% trong dự án nhà ở thương mại